



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Thành phố Hồ Chí Minh

Số 16

Ngày 15 tháng 3 năm 2014

MỤC LỤC

Trang

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

- 12-02-2014 - Quyết định số 08/2014/QĐ-UBND ban hành các định mức kinh tế kỹ thuật mô hình khuyến nông, khuyến ngư trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. 3

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 2

- 12-02-2014 - Chỉ thị số 01/2014/CT-UBND về tập trung thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2014. 34

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 5

- 03-3-2014 - Quyết định số 02/2014/QĐ-UBND về ban hành Quy chế văn hóa công sở tại các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn Quận 5. 40

PHẦN VĂN BẢN KHÁC**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

- 24-02-2014 - Quyết định số 818/QĐ-UBND về duyệt điều chỉnh cục bộ đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 (quy hoạch phân khu) Khu trung tâm hiện hữu Thành phố Hồ Chí Minh (930ha). 47
- 28-02-2014 - Quyết định số 941/QĐ-UBND phê duyệt phương án di dời khẩn cấp 08 hộ dân sinh sống tại khu vực bị sạt lở đoạn bờ sông Nhà Bè thuộc ấp Bình Mỹ, xã Bình Khánh, huyện Cần Giờ. 54
- 28-02-2014 - Quyết định số 942/QĐ-UBND phê duyệt phương án di dời khẩn cấp 10 hộ dân sinh sống trong khu vực có nguy cơ sạt lở cao tại phường Thạnh Xuân, phường Thạnh Lộc và phường An Phú Đông, Quận 12. 59

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 08/2014/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 02 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành các định mức kinh tế kỹ thuật mô hình
khuyến nông, khuyến ngư trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 02/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 01 năm 2010 của Chính phủ về khuyến nông;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 183/2010/TTLT-BTC-BNN ngày 15 tháng 11 năm 2010 của Bộ Tài chính - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước đối với hoạt động khuyến nông;

Xét Tờ trình số 77/TTr-SNN ngày 14 tháng 01 năm 2014 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt định mức kinh tế kỹ thuật mô hình khuyến nông, khuyến ngư trên địa bàn Thành phố; ý kiến đề xuất của Sở Khoa học và Công nghệ tại Công văn số 202/SKH-CN-QLKH, ngày 31 tháng 01 năm 2013 và ý kiến đề xuất của Sở Tư pháp tại Văn bản số 1177/STP-VB ngày 05 tháng 4 năm 2013 về thẩm định dự thảo Quyết định phê duyệt định mức kinh tế kỹ thuật thực hiện hoạt động khuyến nông, khuyến ngư trên địa bàn Thành phố,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này Quy định định mức kinh tế kỹ

thuật mô hình khuyến nông, khuyến ngư trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (*theo chi tiết đính kèm*).

Điều 2. Các định mức kinh tế kỹ thuật này làm cơ sở để Trung tâm Khuyến nông và các đơn vị liên quan lập kế hoạch và dự toán kinh phí trình cấp thẩm quyền phê duyệt để triển khai thực hiện các mô hình khuyến nông, khuyến ngư.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Tài chính và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Thanh Liêm

ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT MÔ HÌNH KHUYẾN NÔNG, KHUYẾN NGƯ

1. MÔ HÌNH TRỒNG HOA LAN MOKARA

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 08/2014/QĐ-UBND
ngày 12 tháng 02 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

1. ĐỊNH MỨC GIỐNG, VẬT TƯ

Tính cho: 01 ha

Hạng mục		Đơn vị tính	Yêu cầu mô hình	Mức hỗ trợ tối đa	Ghi chú
Năm thứ nhất	Giống	cây	40.000	40.000	
	Phân bón các loại	kg	60 - 80	18 - 24	NPK (30- 15-10)
	Thuốc BVTV	lít	40	12	
Năm thứ hai trở đi	Phân bón các loại	kg	140 - 160	42 - 48	NPK (30-15-10)
	Thuốc BVTV	lít	60	18	

2. ĐỊNH MỨC TRIỂN KHAI MÔ HÌNH

Nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Ghi chú
Thời gian triển khai	tháng	12	Cán bộ kỹ thuật chỉ đạo không quá 9 tháng/năm
Tập huấn kỹ thuật	lần	1	1 ngày cho 1 lần tập huấn
Tham quan, hội thảo	cuộc	1	
Tổng kết	cuộc	1	
Quy mô tối thiểu/01 cán bộ chỉ đạo	ha	0,10	

3. MỘT SỐ YÊU CẦU CHUNG VÀ CHỈ TIÊU KỸ THUẬT CẦN ĐẠT

Nội dung	Đơn vị tính	Chỉ tiêu
Quy mô/mô hình	ha (hộ)	$\geq 0,1$ (3 - 5 hộ); $\geq 0,03$ ha/hộ
Quy cách giống	cm	25 - 40
Mật độ trồng	cây/ha	40.000
Tỷ lệ cây ra hoa	%	≥ 70 năm thứ 1, ≥ 90 năm thứ 2

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT
MÔ HÌNH KHUYẾN NÔNG, KHUYẾN NGƯ**

2. MÔ HÌNH TRỒNG HOA LAN DENDROBIUM

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 08/2014/QĐ-UBND
ngày 12 tháng 02 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

1. ĐỊNH MỨC GIỐNG, VẬT TƯ

Tính cho: 01 ha

Hạng mục		Đơn vị tính	Yêu cầu mô hình	Mức hỗ trợ tối đa	Ghi chú
Năm thứ nhất	Giống	cây	100.000	100.000	
	Phân bón các loại	kg	60 - 80	18-24	NPK (30-15-10)
	Thuốc BVTV	lít	40	12	
Năm thứ hai trở đi	Phân bón các loại	kg	140 - 160	42-48	NPK (30-15-10)
	Thuốc BVTV	lít	60	18	

2. ĐỊNH MỨC TRIỂN KHAI MÔ HÌNH

Nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Ghi chú
Thời gian triển khai	tháng	12	Cán bộ kỹ thuật chỉ đạo không quá 9 tháng/năm
Tập huấn kỹ thuật	lần	1	1 ngày cho 1 lần tập huấn
Tham quan, hội thảo	cuộc	1	
Tổng kết	cuộc	1	
Quy mô tối thiểu/01 cán bộ chỉ đạo	ha	0,15	

3. MỘT SỐ YÊU CẦU CHUNG VÀ CHỈ TIÊU KỸ THUẬT CẦN ĐẠT

Nội dung	Đơn vị tính	Chỉ tiêu
Quy mô/mô hình	ha (hộ)	$\geq 0,10$ (3 - 4 hộ); $> 0,03$ ha/hộ
Quy cách giống	cm	10 - 20
Mật độ trồng	cây/ha	100.000
Tỷ lệ cây ra hoa	%	≥ 80 năm thứ 1, ≥ 95 năm thứ 2
Năng suất	cành/cây	≥ 3 cành vào năm thứ 1, ≥ 7 cành từ năm thứ 2

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT
MÔ HÌNH KHUYẾN NÔNG, KHUYẾN NGƯ**

3. MÔ HÌNH TRỒNG MAI GHÉP

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 08/2014/QĐ-UBND
ngày 12 tháng 02 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

1. ĐỊNH MỨC GIỐNG, VẬT TƯ

Tính cho: 01 ha

Hạng mục	Đơn vị tính	Yêu cầu mô hình	Mức hỗ trợ tối đa	Ghi chú
Giống	gốc ghép	40.000	40.000	1 gốc/chậu
Phân hữu cơ sinh học	tấn	3	0,9	
Urê	kg	260	78	
Lân Super	kg	600	180	
Kali Clorua	kg	150	45	
Thuốc BVTV	lít	6	1,8	

2. ĐỊNH MỨC TRIỂN KHAI MÔ HÌNH

Nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Ghi chú
Thời gian triển khai	tháng	12	Cán bộ kỹ thuật chỉ đạo không quá 9 tháng/năm
Tập huấn kỹ thuật	lần	1	1 ngày cho 1 lần tập huấn
Tham quan, hội thảo	cuộc	1	
Tổng kết	cuộc	1	
Quy mô tối thiểu/01 cán bộ chỉ đạo	ha	0,10	

3. MỘT SỐ YÊU CẦU CHUNG VÀ CHỈ TIÊU KỸ THUẬT CẦN ĐẠT

Nội dung	Đơn vị tính	Chỉ tiêu
Quy mô/mô hình	ha (hộ)	$\geq 0,1$ ha (5 - 10 hộ); ≥ 400 gốc/hộ
Quy cách gốc ghép (đ.kính gốc)	cm	≥ 2
Quy cách chậu (đường kính chậu)	cm	30 - 50
Tỷ lệ sinh trưởng ổn định	%	≥ 90
Tỷ lệ ra hoa đúng kỳ	%	≥ 70

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT
MÔ HÌNH KHUYẾN NÔNG, KHUYẾN NGƯ**

4. MÔ HÌNH TRỒNG HOA SÓNG ĐỜI

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 08/2014/QĐ-UBND
ngày 12 tháng 02 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

1. ĐỊNH MỨC GIỐNG, VẬT TƯ

Tính cho: 01 ha

Hạng mục	Đơn vị tính	Yêu cầu mô hình	Mức hỗ trợ tối đa	Ghi chú
Giống	cây	53.400	53.400	
Phân hữu cơ sinh học	tấn	1,5	0,45	
Urê	kg	200	60	
Lân Super	kg	350	105	
Kali Clorua	kg	200	60	
Thuốc BVTV	lít	3	0,9	

2. ĐỊNH MỨC TRIỂN KHAI MÔ HÌNH

Nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Ghi chú
Thời gian triển khai	tháng	6	
Tập huấn kỹ thuật	lần	1	1 ngày cho 1 lần tập huấn
Tham quan, hội thảo	cuộc	1	
Tổng kết	cuộc	1	
Quy mô tối thiểu/01 cán bộ chỉ đạo	ha	2	

3. MỘT SỐ YÊU CẦU CHUNG VÀ CHỈ TIÊU KỸ THUẬT CẦN ĐẠT

Nội dung	Đơn vị tính	Chỉ tiêu
Quy mô/mô hình	ha (hộ)	≥ 2 ha (5 - 20 hộ); $\geq 0,1$ ha/hộ
Quy cách cây giống	lá	5-6
Mật độ trồng	cây/ha	53.400
Tỷ lệ sinh trưởng ổn định	%	≥ 90

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT
MÔ HÌNH KHUYẾN NÔNG, KHUYẾN NGƯ**

5. MÔ HÌNH TRỒNG HOA, CÂY KIỀNG TRỒNG CHẬU

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 08/2014/QĐ-UBND
ngày 12 tháng 02 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

1. ĐỊNH MỨC GIỐNG, VẬT TƯ

Tính cho: 01 ha

Hạng mục	Đơn vị tính	Yêu cầu mô hình	Mức hỗ trợ tối đa	Ghi chú
Giống	cây	40.000	40.000	
Phân hữu cơ sinh học	tấn	3	0,9	
Urê	kg	260	78	
Lân Super	kg	120	36	
Kali Clorua	kg	300	90	
Thuốc BVTV	lít	6	1,8	

2. ĐỊNH MỨC TRIỂN KHAI MÔ HÌNH

Nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Ghi chú
Thời gian triển khai	tháng	12	Cán bộ kỹ thuật chỉ đạo không quá 9 tháng/năm
Tập huấn kỹ thuật	lần	1	1 ngày cho 1 lần tập huấn
Tham quan, hội thảo	cuộc	1	
Tổng kết	cuộc	1	
Quy mô tối thiểu/01 cán bộ chỉ đạo	ha	0,3	

3. MỘT SỐ YÊU CẦU CHUNG VÀ CHỈ TIÊU KỸ THUẬT CẦN ĐẠT

Nội dung	Đơn vị tính	Chỉ tiêu
Quy mô/mô hình	ha (hộ)	$\geq 0,3$ ha (≥ 12.000 chậu); 5 - 12 hộ; ≥ 1.000 chậu/hộ
Quy cách giống	lá/cây con	5-6
Mật độ trồng	cây/ha	40.000
Quy cách chậu (đường kính chậu)	cm	30-50
Tỷ lệ sinh trưởng ổn định	%	≥ 90

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT
MÔ HÌNH KHUYẾN NÔNG, KHUYẾN NGƯ**

6. MÔ HÌNH TRỒNG RAU MUỐNG NƯỚC THEO QUY TRÌNH VietGAP

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 08/2014/QĐ-UBND
ngày 12 tháng 02 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

1. ĐỊNH MỨC GIỐNG, VẬT TƯ

Tính cho: 01 ha

Hạng mục	Đơn vị tính	Yêu cầu mô hình	Mức hỗ trợ tối đa	Ghi chú
Giống (hom)	kg	1.000	1.000	
Phân hữu cơ sinh học	tấn	1,5	0,45	Bón lót
Urê	kg	200	60	
Lân Super	kg	240	72	Bón lót
Kali Clorua	kg	60	18	
Thuốc BVTV	lít	2	0,6	

2. ĐỊNH MỨC TRIỂN KHAI MÔ HÌNH

Nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Ghi chú
Thời gian triển khai	tháng	3	
Tập huấn kỹ thuật	lần	1	1 ngày cho 1 lần tập huấn
Tham quan, hội thảo	cuộc	1	
Tổng kết	cuộc	1	
Quy mô tối thiểu/01 cán bộ chỉ đạo	ha	3	

3. MỘT SỐ YÊU CẦU CHUNG VÀ CHỈ TIÊU KỸ THUẬT CẦN ĐẠT

Nội dung	Đơn vị tính	Chỉ tiêu
Quy mô/mô hình	ha (hộ)	≥ 3 ha (5 - 10 hộ); $\geq 0,3$ ha/hộ
Quy cách cây giống	đốt/hom	≥ 3
Khoảng cách trồng	cm	10 x15
Năng suất thu hoạch	tấn/ha/lần thu hoạch	≥ 16
Yêu cầu chung	Mô hình áp dụng Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt cho rau gồm các tiêu chí theo quy định hiện hành	

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT
MÔ HÌNH KHUYẾN NÔNG, KHUYẾN NGƯ**

**7. MÔ HÌNH TRỒNG RAU ĂN LÁ (DÈN, MÔNG TOI, RAU MUỐNG
TRỒNG CẠN, RAU GIA VỊ) THEO QUY TRÌNH VietGAP**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 08/2014/QĐ-UBND
ngày 12 tháng 02 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

1. ĐỊNH MỨC GIỐNG, VẬT TƯ

Tính cho: 01 ha

Hạng mục	Đơn vị tính	Yêu cầu mô hình	Mức hỗ trợ tối đa	Ghi chú
Giống dền (hạt)	kg	3	3	
Giống mồng toi (hạt)	kg	20	20	
Giống rau muống (hạt)	kg	50	50	
Giống rau gia vị (hạt)	kg	0,6 - 0,7	0,6 - 0,7	
Hữu cơ sinh học	tấn	1,5	0,45	
Urê	kg	60	18	
Lân Super	kg	120	36	
Kali Clorua	kg	90	30 - 45	
Thuốc BVTV	lít	2	0,6	

2. ĐỊNH MỨC TRIỂN KHAI MÔ HÌNH

Nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Ghi chú
Thời gian triển khai	tháng	3	
Tập huấn kỹ thuật	lần	1	1 ngày cho 1 lần tập huấn
Tham quan, hội thảo	cuộc	1	
Tổng kết	cuộc	1	
Quy mô tối thiểu/01 cán bộ chỉ đạo	ha	3	

3. MỘT SỐ YÊU CẦU CHUNG VÀ CHỈ TIÊU KỸ THUẬT CẦN ĐẠT

Nội dung	Đơn vị tính	Chỉ tiêu
Quy mô/mô hình	ha (hộ)	≥ 3 ha (10-15 hộ); $\geq 0,2$ ha/hộ
Năng suất thu hoạch	tấn/ha/lần thu hoạch	≥ 14

Yêu cầu chung	Mô hình áp dụng Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt cho rau gồm các tiêu chí theo quy định hiện hành
---------------	---

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT
MÔ HÌNH KHUYẾN NÔNG, KHUYẾN NGƯỜI**

**8. MÔ HÌNH TRỒNG RAU ĂN QUẢ (BÍ, BẦU, MUỚP)
THEO QUY TRÌNH VietGAP**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 08/2014/QĐ-UBND
ngày 12 tháng 02 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

1. ĐỊNH MỨC GIỐNG, VẬT TƯ

Tính cho: 01 ha

Hạng mục	Đơn vị tính	Yêu cầu mô hình	Mức hỗ trợ tối đa	Ghi chú
Giống bầu (hạt)	kg	0,5 - 0,6	0,5 - 0,6	Hạt giống lai
Giống mướp hương (hạt)	kg	0,6 - 0,7	0,6 - 0,7	Hạt giống lai
Giống mướp khía (hạt)	kg	1,5 - 3	1,5 - 3	Hạt giống lai
Giống bí đao (hạt)	kg	0,5	0,5	Hạt giống lai
Phân hữu cơ sinh học	tấn	2,0	0,6	
Urê	kg	300	90	
Lân Super	kg	400	120	
Kali Clorua	kg	350	105	
Thuốc BVTV	lít	2	0,6	

2. ĐỊNH MỨC TRIỂN KHAI MÔ HÌNH

Nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Ghi chú
Thời gian triển khai	tháng	5	
Tập huấn kỹ thuật	lần	1	1 ngày cho 1 lần tập huấn
Tham quan, hội thảo	cuộc	1	
Tổng kết	cuộc	1	
Quy mô tối thiểu/01 cán bộ chỉ đạo	ha	≥ 3	

3. MỘT SỐ YÊU CẦU CHUNG VÀ CHỈ TIÊU KỸ THUẬT CẦN ĐẠT

Nội dung	Đơn vị tính	Chỉ tiêu
Quy mô/mô hình	ha (hộ)	≥ 3 ha (10 - 20 hộ); ≥ 0,3 ha/hộ
Khoảng cách trồng	m	Hàng cách hàng 3 - 4 m, cây cách cây 0,8 m

Năng suất thu hoạch	tấn/ha/lần thu hoạch	≥ 35
Yêu cầu chung	Mô hình áp dụng Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt cho rau gồm các tiêu chí theo quy định hiện hành	

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT
MÔ HÌNH KHUYẾN NÔNG, KHUYẾN NGƯ**

**9. MÔ HÌNH CƠ GIỚI HÓA (HỆ THỐNG TƯỚI PHUN)
TRONG TRỒNG RAU**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 08/2014/QĐ-UBND
ngày 12 tháng 02 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

1. ĐỊNH MỨC THIẾT BỊ, VẬT TƯ

Tính cho: 1.000 m²

Hạng mục	Đơn vị tính	Yêu cầu mô hình	Mức hỗ trợ tối đa	Ghi chú
Bộ điều khiển trung tâm	bộ	1	50%	
Trạm bơm (máy bơm và các phụ kiện)	bộ	1	50%	Máy bơm 3HP
Hệ thống ống	hệ thống	1	50%	Gồm ống co, nối và các phụ kiện lắp đặt
Đầu phun	cái	50 - 60	50%	

2. ĐỊNH MỨC TRIỂN KHAI MÔ HÌNH

Nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Ghi chú
Thời gian triển khai	tháng	6	
Tham quan, hội thảo	cuộc	1	
Tổng kết	cuộc	1	
Quy mô tối thiểu/01 cán bộ chỉ đạo	hệ thống	3	

3. MỘT SỐ YÊU CẦU CHUNG VÀ CHỈ TIÊU KỸ THUẬT CẦN ĐẠT

Nội dung	Đơn vị tính	Chỉ tiêu
Quy mô/mô hình	hệ thống	≥ 3 hệ thống, 01 hệ thống/hộ
Tiết kiệm nước so với tưới thủ công	%	≥30
Giảm giá thành sản phẩm so với phương pháp tưới thủ công	%	≥10

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT
MÔ HÌNH KHUYẾN NÔNG, KHUYẾN NGƯỜI**

**10. MÔ HÌNH CƠ GIỚI HÓA (HỆ THỐNG NHÀ LƯỚI, NHÀ MÀNG)
TRONG TRỒNG RAU, HOA**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 08/2014/QĐ-UBND
ngày 12 tháng 02 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

1. ĐỊNH MỨC THIẾT BỊ, VẬT TƯ

Tính cho: 1 nhà (500 m²)

Hạng mục	Đơn vị tính	Yêu cầu mô hình	Mức hỗ trợ tối đa	Ghi chú
Cột bê tông cốt thép	cột	30	50%	Chiều cao $\geq 3,5$ m
Lưới	bộ	1	50%	
Dây kẽm	kg	30	50%	
Neo	cái	22	50%	
Tăng đũa căng cáp	bộ	12,0	50%	

2. ĐỊNH MỨC TRIỂN KHAI MÔ HÌNH

Nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Ghi chú
Thời gian triển khai	tháng	6	
Tham quan, hội thảo	cuộc	1	
Tổng kết	cuộc	1	
Quy mô tối thiểu/01 cán bộ chỉ đạo	hệ thống	3	

3. MỘT SỐ YÊU CẦU CHUNG VÀ CHỈ TIÊU KỸ THUẬT CẦN ĐẠT

Nội dung	Đơn vị tính	Chỉ tiêu
Quy mô/mô hình	nhà	≥ 3 (≥ 500 m ² /nhà, 1 nhà/hộ)
Quy mô nhà lưới	m ²	500
Tăng năng suất sản phẩm	%	≥ 15

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT
MÔ HÌNH KHUYẾN NÔNG, KHUYẾN NGƯ**

**11. MÔ HÌNH CƠ GIỚI HÓA (HỆ THỐNG TƯỚI PHUN)
TRONG TRỒNG LAN**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 08/2014/QĐ-UBND
ngày 12 tháng 02 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

1. ĐỊNH MỨC THIẾT BỊ, VẬT TƯ

Tính cho: 500 m²

Hạng mục	Đơn vị tính	Yêu cầu mô hình	Mức hỗ trợ tối đa	Ghi chú
Bộ điều khiển trung tâm	bộ	1	50%	
Trạm bơm (máy bơm và các phụ kiện)	bộ	1	50%	Máy bơm 2HP
Bồn chứa nước 500 lít	cái	1		
Hệ thống ống	hệ thống	1	50%	Gồm ống co, nối và các phụ kiện lắp đặt
Đầu phun	bộ	1	50%	Theo thiết kế

2. ĐỊNH MỨC TRIỂN KHAI MÔ HÌNH

Nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Ghi chú
Thời gian triển khai	tháng	6	
Tham quan, hội thảo	cuộc	1	
Tổng kết	cuộc	1	
Quy mô tối thiểu/01 cán bộ chỉ đạo	hệ thống	3	

3. MỘT SỐ YÊU CẦU CHUNG VÀ CHỈ TIÊU KỸ THUẬT CẦN ĐẠT

Nội dung	Đơn vị tính	Chỉ tiêu
Quy mô/mô hình	hệ thống	≥ 3 hệ thống, ≥ 500 m ² /hệ thống, 1 hệ thống/hộ
Tiết kiệm nước so với tưới thủ công	%	≥ 40
Tiết kiệm điện so với phương pháp tưới thủ công	%	≥ 50
Giảm giá thành sản phẩm so với phương pháp tưới thủ công	%	≥ 15

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT
MÔ HÌNH KHUYẾN NÔNG, KHUYẾN NGƯ**

**12. MÔ HÌNH CƠ GIỚI HÓA (MÁY LÀM ĐẤT, MÁY PHUN THUỐC)
TRONG TRỒNG RAU**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 08/2014/QĐ-UBND
ngày 12 tháng 02 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

1. ĐỊNH MỨC THIẾT BỊ, VẬT TƯ

Tính cho: 1 mô hình

Hạng mục	Đơn vị tính	Yêu cầu mô hình	Mức hỗ trợ tối đa	Ghi chú
Máy xới tay mini	bộ	≥ 10	50%	Động cơ 5,5 HP
Máy phun thuốc	bộ	≥ 10	50%	Động cơ 5,5 HP, 100 lít
Máy phun thuốc đeo vai	bộ	≥ 10	50%	

2. ĐỊNH MỨC TRIỂN KHAI MÔ HÌNH

Nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Ghi chú
Thời gian triển khai	tháng	6	
Tham quan, hội thảo	cuộc	1	
Tổng kết	cuộc	1	
Quy mô tối thiểu/01 cán bộ chỉ đạo	bộ máy	10	

3. MỘT SỐ YÊU CẦU CHUNG VÀ CHỈ TIÊU KỸ THUẬT CẦN ĐẠT

Nội dung	Đơn vị tính	Chỉ tiêu
Quy mô/mô hình	bộ máy	≥ 10 bộ, 1 bộ/hộ
Tiết kiệm công lao động	công/ha/vụ	≥ 10 công đối với máy xới tay mini ≥ 5 công đối với máy phun thuốc

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT
MÔ HÌNH KHUYẾN NÔNG, KHUYẾN NGƯ**

13. MÔ HÌNH TRỒNG DỪA

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 08/2014/QĐ-UBND
ngày 12 tháng 02 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

1. ĐỊNH MỨC GIỐNG, VẬT TƯ

Tính cho: 01 ha

Hạng mục		Đơn vị tính	Yêu cầu mô hình	Mức hỗ trợ tối đa	Ghi chú
Năm thứ nhất	Giống	cây	315	315	Bao gồm trồng dặm 5%
	Phân hữu cơ sinh học	tấn	3	0,9	
	Urê	kg	50	15	
	Lân Super	kg	115	34,5	
	Kali Clorua	kg	50	15	
	Vôi bột	kg	300	90	
	Thuốc BVTV	lít	4	1,2	
Năm thứ 2, 3, 4	Urê	kg	240	72	
	Lân Super	kg	450	135	
	Kali Clorua	kg	450	135	
	Thuốc BVTV	lít	4	1,2	

2. ĐỊNH MỨC TRIỂN KHAI MÔ HÌNH

Nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Ghi chú
Thời gian triển khai	tháng	12	Cán bộ kỹ thuật chỉ đạo không quá 9 tháng/năm
Tập huấn kỹ thuật	lần	1	1 ngày cho 1 lần tập huấn
Tham quan, hội thảo	cuộc	1	
Tổng kết	cuộc	1	
Quy mô tối thiểu/01 cán bộ chỉ đạo	ha	3	

3. MỘT SỐ YÊU CẦU CHUNG VÀ CHỈ TIÊU KỸ THUẬT CẦN ĐẠT

Nội dung	Đơn vị tính	Chỉ tiêu
Quy mô/mô hình	ha (hộ)	≥ 3 ha (10 - 15 hộ), (≥0,2 ha/hộ)

Mật độ trồng	cây/ha	300
Tỷ lệ cây ra trái	%	≥ 80
Năng suất ổn định	trái/ha/năm	36.000 (sau 4 năm trồng)

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT
MÔ HÌNH KHUYẾN NÔNG, KHUYẾN NGƯ**

**14. MÔ HÌNH CƠ GIỚI HÓA (THIẾT BỊ KHAI THÁC, BẢO QUẢN SỮA)
TRONG CHĂN NUÔI BÒ SỮA**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 08/2014/QĐ-UBND
ngày 12 tháng 02 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

1. ĐỊNH MỨC THIẾT BỊ, VẬT TƯ

Tính cho: 01 mô hình

Hạng mục	Đơn vị tính	Yêu cầu mô hình	Mức hỗ trợ tối đa	Ghi chú
Máy vắt sữa đơn dạng hệ thống	máy	3 - 4	50%	1 bộ máy/hộ gồm: 01 máy vắt sữa đơn dạng hệ thống, 01 thiết bị rửa máy vắt sữa, 05 bình nhôm chứa sữa loại 20 lít/bình
Thiết bị rửa máy vắt sữa	thiết bị	3 - 4	50%	
Bình nhôm chứa sữa (20 lít/bình)	bình	15 - 20	50%	

2. ĐỊNH MỨC TRIỂN KHAI MÔ HÌNH

Nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Ghi chú
Thời gian triển khai	tháng	6	
Tham quan, hội thảo	cuộc	1	
Tổng kết	cuộc	1	1 ngày/cuộc
Quy mô tối thiểu/01 cán bộ chỉ đạo	bộ máy	3	

3. MỘT SỐ YÊU CẦU CHUNG VÀ CHỈ TIÊU KỸ THUẬT CẦN ĐẠT

Nội dung	Đơn vị tính	Chỉ tiêu
Quy mô/mô hình	bộ máy	3 - 4 (3 - 4 hộ)
Số bò sữa tối thiểu/01 hộ tham gia mô hình	con	15
Diện tích đồng cỏ thâm canh	ha/hộ	≥ 0,1
Yêu cầu thiết bị	Máy vắt sữa đơn dạng hệ thống 1 lần vắt/ 1 con (lắp đặt hoàn chỉnh) - Thiết bị rửa dung tích 4 lít dùng rửa bộ hút và ống sữa, rửa được 4 bộ hút sữa cùng lúc.	

	- Bình nhôm dung tích 20 lít, có nắp đậy, không bị tràn sữa khi vận chuyển.
Chỉ tiêu kỹ thuật cần đạt	- Rút ngắn thời gian vắt sữa: 5 - 7 phút/con/lần vắt sữa
	- Tăng sản lượng sữa: $\geq 3\%$ /con/ngày
	- Chất lượng sữa: VCK $\geq 12\%$, béo $\geq 3,5\%$, không nhiễm vi sinh
	- Tiết kiệm chi phí công lao động: 30 - 40%
	- Giảm tỷ lệ viêm vú tiềm ẩn: 25%

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT
MÔ HÌNH KHUYẾN NÔNG, KHUYẾN NGƯ**

**15. MÔ HÌNH CƠ GIỚI HÓA (HỆ THỐNG LÀM MÁT CHUỒNG TRẠI)
TRONG CHĂN NUÔI BÒ SỮA**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 08/2014/QĐ-UBND
ngày 12 tháng 02 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

1. ĐỊNH MỨC THIẾT BỊ, VẬT TƯ

Tính cho: 01 mô hình

Hạng mục	Đơn vị tính	Yêu cầu mô hình	Mức hỗ trợ tối đa	Ghi chú
Hệ thống làm mát chuồng trại	hệ thống	3 - 4	50%	1 hệ thống/hộ gồm 01 hệ thống làm mát và 01 thiết bị đo nhiệt độ, ẩm độ

2. ĐỊNH MỨC TRIỂN KHAI MÔ HÌNH

Nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Ghi chú
Thời gian triển khai	tháng	6	
Tham quan, hội thảo	cuộc	1	
Tổng kết	cuộc	1	1 ngày/cuộc
Quy mô tối thiểu/01 cán bộ chỉ đạo	hệ thống	3	

3. MỘT SỐ YÊU CẦU CHUNG VÀ CHỈ TIÊU KỸ THUẬT CẦN ĐẠT

Nội dung	Đơn vị tính	Chỉ tiêu
Quy mô/mô hình	hệ thống	3 - 4
Số bò sữa tối thiểu/01 hộ tham gia mô hình	con	15
Diện tích chuồng/hộ	m ²	100 - 150
Diện tích đồng cỏ thâm canh	ha/hộ	≥ 0,1
Yêu cầu thiết bị	Hệ thống có 4 quạt, đường kính 75 cm và 20 béc phun sương hạt to	
Chỉ tiêu kỹ thuật cần đạt	- Giảm nhiệt độ trong chuồng so với ngoài trời: 3 - 5°C (hạn chế stress nhiệt trên bò)	

	- Tăng sản lượng sữa: $\geq 2\%$ /con/ngày
	- Chất lượng sữa: VCK $\geq 12\%$, béo $\geq 3,5\%$
	- Giảm chi phí thuốc thú y bình quân: 35 %/con/năm

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT
MÔ HÌNH KHUYẾN NÔNG, KHUYẾN NGƯ**

**16. MÔ HÌNH CƠ GIỚI HÓA (MÁY BĂM THÁI CỎ,
MÁY TRỘN THỨC ĂN TMR) TRONG CHĂN NUÔI BÒ SỮA**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 08/2014/QĐ-UBND
ngày 12 tháng 02 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

1. ĐỊNH MỨC THIẾT BỊ, VẬT TƯ

Tính cho: 01 mô hình

Hạng mục	Đơn vị tính	Yêu cầu mô hình	Mức hỗ trợ tối đa	Ghi chú
1. Máy băm thái cỏ có trục cuộn 2.	Máy	2 - 3	50%	- Mỗi hộ có thể được hỗ trợ 1 - 2 hạng mục nhưng không vượt quá giới hạn kinh phí/hộ theo quy định; - Mỗi hộ chỉ được hỗ trợ tối đa 1 máy/hạng mục máy.
Máy trộn thức ăn TMR 1 pha	máy	2 - 3	50%	

2. ĐỊNH MỨC TRIỂN KHAI MÔ HÌNH

Nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Ghi chú
Thời gian triển khai	tháng	6	
Tham quan, hội thảo	cuộc	1	
Tổng kết	cuộc	1	1 ngày/cuộc
Quy mô tối thiểu/01 cán bộ chỉ đạo	hộ	2	

3. MỘT SỐ YÊU CẦU CHUNG VÀ CHỈ TIÊU KỸ THUẬT CẦN ĐẠT

Nội dung	Đơn vị tính	Chỉ tiêu
Quy mô/mô hình	hộ	2 - 3
Số bò cái vắt sữa tối thiểu/01 hộ tham gia mô hình	con	15
Diện tích đồng cỏ thâm canh	ha/hộ	≥ 0,3

Yêu cầu thiết bị, vật tư	1. Máy băm thái cỏ có trục cuốn - Có trục cuốn; Công suất thiết kế: 2 tấn/giờ; Độ dài đoạn thái: 3 - 6 cm 2. Máy trộn thức ăn TMR 1 pha - Công suất 200 kg/lần trộn; 10 - 12 phút/lần
Chỉ tiêu kỹ thuật cần đạt	Khả năng thu nhận thức ăn: 100% - Tăng sản lượng sữa: $\geq 3\%$ /con/ngày - Chất lượng sữa: VCK > 12%, béo > 3,5% - Tiết kiệm chi phí công lao động: 20 - 30%

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT
MÔ HÌNH KHUYẾN NÔNG, KHUYẾN NGƯ**

17. MÔ HÌNH CƠ GIỚI HÓA (MÁY CHO ĂN) TRONG NUÔI TÔM

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 08/2014/QĐ-UBND
ngày 12 tháng 02 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

1. ĐỊNH MỨC THIẾT BỊ, VẬT TƯ

Tính cho: 01 mô hình

Hạng mục	Đơn vị tính	Yêu cầu mô hình	Mức hỗ trợ tối đa	Ghi chú
Máy cho tôm ăn	máy	3 - 5	50%	01 máy/hộ

2. ĐỊNH MỨC TRIỂN KHAI MÔ HÌNH

Nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Ghi chú
Thời gian triển khai	tháng	5 - 6	- Tôm sú: 6 tháng - Tôm thẻ: 5 tháng
Tham quan, hội thảo	cuộc	1	
Tổng kết	cuộc	1	1 ngày/cuộc
Quy mô tối thiểu/01 cán bộ chỉ đạo	máy	3	

3. MỘT SỐ YÊU CẦU CHUNG VÀ CHỈ TIÊU KỸ THUẬT CẦN ĐẠT

Nội dung	Đơn vị tính	Chỉ tiêu
Quy mô/mô hình	máy	- Số máy: 3 - 5 - 3.000 - 4.000 m ² ao/máy (< 400.000 con giống P ₁₅ /máy)
Quy mô nuôi áp dụng	m ² /máy	3.000-4.000 (≤400.000 con giống P ₁₅ /máy)
Yêu cầu thiết bị		- Động cơ: Điện 1 pha, 220V, công suất 0,3 HP - Thùng chứa thức ăn: inox, dày 0,8 mm; chống rỉ sét, ăn mòn; Sức chứa: 100 kg - Bảng điều khiển: hiển thị điện tử, có thể điều chỉnh thời gian cho ăn và dễ dàng quan sát - Bán kính phun hữu hiệu (có thức ăn): 5 - 15 m - Tốc độ phun: 50 - 90 kg/giờ
Chỉ tiêu kỹ thuật cần đạt		Tôm tăng trưởng đồng đều, tỉ lệ phân đàn < 10% đối với tôm thẻ, < 30% đối với tôm sú

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT MÔ HÌNH KHUYẾN NÔNG, KHUYẾN NGƯ

18. MÔ HÌNH KHUYẾN NGƯ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 08/2014/QĐ-UBND ngày 12 tháng 02 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố)

1. ĐỊNH MỨC PHẦN KỸ THUẬT

TT	Đối tượng nuôi	Hình thức nuôi	Mật độ nuôi (con/m ²)	Quy cách giống (cm/con)	Thức ăn		Thời gian nuôi (tháng)	Thu hoạch (yêu cầu kỹ thuật)		
					Hệ số CHTA (FCR) hoặc định mức ăn	Hàm lượng protein (%)		Tỉ lệ sống (%)	Cỡ thu	Năng suất
1	Cá Chép Nhật (<i>Cyprinus carpio</i>)	Nuôi ao	60	0,5 - 1	2	≥ 25	≤ 9	≥ 50	≥ 60 g/con	≥ 18 tấn/ha/chu kỳ
2	Cá Vàng (<i>Carassius auratus</i>)	Nuôi ao/giai/vèo	50	0,5 - 1	2	≥ 25	≤ 6	≥ 50	≥ 20 g/con	≥ 250.000 con/ha/chu kỳ
3	Cá Phát tài (<i>Osphronemus goramy</i>)	Nuôi ao	10	2 - 2,5	2	≥ 25	≤ 9	≥ 70	≥ 200 g/con	≥ 14 tấn/ha/chu kỳ
4	Cá Tứ Vân (<i>Puntius tetrazona</i>); Cá Hồng Nhung (<i>Hyphessobrycon eques</i>) và một số loài có đặc điểm sinh học tương tự	Nuôi bể xi măng	250	0,5 - 1	0,13 g/con/ngày	≥ 35	4	≥ 70	≥ 2 cm/con (≥ 2,5g/con)	≥ 175con/m ² /chu kỳ

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT
MÔ HÌNH KHUYẾN NÔNG, KHUYẾN NGƯ**

MÔ HÌNH KHUYẾN NGƯ (tiếp theo 1)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 08/2014/QĐ-UBND ngày 12 tháng 02 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố)

1. ĐỊNH MỨC PHẦN KỸ THUẬT

TT	Đối tượng nuôi	Hình thức nuôi	Mật độ nuôi (con/m ²)	Quy cách giống (cm/con)	Thức ăn		Thời gian nuôi (tháng)	Thu hoạch (yêu cầu kỹ thuật)		
					Hệ số CHTA (FCR) hoặc định mức ăn	Hàm lượng protein (%)		Tỉ lệ sống (%)	Cỡ thu	Năng suất
5	Cá Ông tiên (<i>Pterophyllum</i> sp.)	Nuôi thương phẩm trong bể xi măng	50	0,5 - 1	4	≥ 35	≤ 9	≥ 50	≥ 7 cm/con (≥ 10 g/con)	≥ 25con/m ² /chu kỳ
		Nuôi sinh sản	30 cặp/100 m ²	≥ 10	2 g/con/ngày	Cung quăng, trùn chỉ	≤ 12	≥ 90	- Tỉ lệ tham gia sinh sản: ≥ 70% (khai thác cá bố mẹ trong 2 năm) - Sản lượng cá con: ≥ 800 con/cá mẹ/năm	
6	Cá Đĩa (<i>Symphysodon</i> sp)	Nuôi thương phẩm trong bể kiếng	400 con/m ³	0,5 - 1	4	Trùn chỉ, thịt bò	≤ 9	≥ 50	≥ 8 cm/con (≥ 15 g/con)	≥ 200 con/m ³
		Nuôi sinh sản	5cặp /m ³	≥ 10	2 g/con/ngày	Cung quăng, trùn chỉ, thịt bò	≤ 12	≥ 90	- Tỉ lệ tham gia sinh sản: ≥ 60% (khai thác cá bố mẹ trong 3 năm) - Sản lượng cá con (sau ương): ≥ 800 con/cá mẹ/năm	

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT
MÔ HÌNH KHUYẾN NÔNG, KHUYẾN NGƯ

MÔ HÌNH KHUYẾN NGƯ (tiếp theo 2)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 08/2014/QĐ-UBND ngày 12 tháng 02 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố)

1. ĐỊNH MỨC PHẦN KỸ THUẬT

TT	Đối tượng nuôi	Hình thức nuôi	Mật độ nuôi (con/m ²)	Quy cách giống (cm/con)	Thức ăn		Thời gian nuôi (tháng)	Thu hoạch (yêu cầu kỹ thuật)		
					Hệ số CHTA (FCR) hoặc định mức ăn	Hàm lượng protein (%)		Tỉ lệ sống (%)	Cỡ thu	Năng suất
7	Cá Xiêm (<i>Betta spp.</i>)	Nuôi sinh sản - thương phẩm	30 cặp/100 m ²	≥ 2,5	- Cá bố mẹ: 1g/con/ ngày - Cá con: 7,2 kg/1.000 con	Cung quăng, trùn chỉ, bo bo	≤ 6	≥ 70	- Tỉ lệ tham gia sinh sản: ≥ 90% (khai thác cá bố mẹ tối đa sau 3 lần sinh sản) - Cá thương phẩm: > 2 cm/con - Sản lượng cá thương phẩm/cá mẹ/2 chu kỳ: ≥ 500 con (xiêm thường); ≥ 200 con (xiêm phước)	
8	Nhóm cá cảnh khác: Hồng kim, Hòa lan, Trân châu, Molly, Hạt lựu, Bình tích, Bảy màu	Nuôi sinh sản - thương phẩm	6 cá đực và 24 cá cái/100 m ²	≥ 2,5	- Cá bố mẹ: 1g/con/ ngày - Cá con: 7,2 kg/1.000 con	Bo bo, trùn chỉ, cám viên	≤ 9	≥ 70	- Tỉ lệ tham gia sinh sản: ≥ 90% (khai thác cá bố mẹ tối đa 4 lứa đẻ) - Cá thương phẩm: > 2 cm/con - Sản lượng cá thương phẩm/cá mẹ/4 lứa: ≥ 200 con	

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT
MÔ HÌNH KHUYẾN NÔNG, KHUYẾN NGƯ**

MÔ HÌNH KHUYẾN NGƯ (tiếp theo 3)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 08/2014/QĐ-UBND ngày 12 tháng 02 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố)

1. ĐỊNH MỨC PHẦN KỸ THUẬT

TT	Đối tượng nuôi	Hình thức nuôi	Mật độ nuôi (con/m ²)	Quy cách giống (cm/con)	Thức ăn		Thời gian nuôi (tháng)	Thu hoạch (yêu cầu kỹ thuật)		
					Hệ số CHTA (FCR) hoặc định mức ăn	Hàm lượng protein (%)		Tỉ lệ sống (%)	Cỡ thu	Năng suất
9	Cá Trê lai	Nuôi ao	20	3 - 5	1,7	≥ 18	4	≥ 70	≥ 250 g/con	≥ 35tấn/ha
10	Cá Dứa/Cá Tra bần	Nuôi ao	2 - 4	2,5 - 3	2	≥ 18	12	≥ 70	≥ 800 g/con	≥ 11 tấn/ha
11	Cua biển (<i>Scylla</i> sp.)	Nuôi thâm canh trong ao	1 - 1,5	≥ 1	1,8	≥ 25	4 - 5	≥ 50	≥ 0,25	≥ 1 tấn/ha

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT
MÔ HÌNH KHUYẾN NÔNG, KHUYẾN NGƯ**

MÔ HÌNH KHUYẾN NGƯ (tiếp theo 4)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 08/2014/QĐ-UBND ngày 12 tháng 02 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố)

2. ĐỊNH MỨC PHẦN TRIỂN KHAI

STT	Đối tượng	Hình thức nuôi	Quy mô tối thiểu/cán bộ chỉ đạo	Thời gian triển khai	Tập huấn kỹ thuật (ngày)	Tham quan (cuộc)	Tổng kết (cuộc)	Ghi chú
1	Cá Chép Nhật (<i>Cyprinus carpio</i>)	Nuôi ao	0,5 ha	9	1	1	1	
2	Cá Vàng (<i>Carassius auratus</i>)	Nuôi ao/giai/vèo	0,5 ha	6	1	1	1	
3	Cá Phát tài (<i>Osphronemus goramy</i>)	Nuôi ao	0,3 ha	9	1	1	1	
4	Cá Tứ Vân (<i>Puntius tetrazona</i>); Cá Hồng Nhung (<i>Hyphessobrycon eques</i>) và một số loài có đặc điểm sinh học tương tự	Nuôi bể xi măng	500 m ²	4	1	1	1	
5	Cá Ông tiên (<i>Pterophyllum sp.</i>)	Nuôi thương phẩm trong bể xi măng	500 m ²	9	1	1	1	
		Nuôi sinh sản	100 cặp bố mẹ	12	1	1	1	Cán bộ chỉ đạo không quá 9 tháng/năm

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT
MÔ HÌNH KHUYẾN NÔNG, KHUYẾN NGƯ**

MÔ HÌNH KHUYẾN NGƯ (tiếp theo 5)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 08/2014/QĐ-UBND ngày 12 tháng 02 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố)

2. ĐỊNH MỨC PHẦN TRIỂN KHAI

STT	Đối tượng	Hình thức nuôi	Quy mô tối thiểu/cán bộ chỉ đạo	Thời gian triển khai	Tập huấn kỹ thuật (ngày)	Tham quan (cuộc)	Tổng kết (cuộc)	Ghi chú
6	Cá Đĩa (<i>Symphysodon</i> sp)	Nuôi thương phẩm trong bể kiếng	20 m ³	9	1	1	1	
		Nuôi sinh sản	50 cặp bố mẹ	12	1	1	1	Cán bộ chỉ đạo không quá 9 tháng/năm
7	Cá Xiêm (<i>Betta</i> spp.)	Nuôi sinh sản - thương phẩm	500 m ²	6	1	1	1	
8	Nhóm cá cảnh khác: Hồng kim, Hòa lan, Trân châu, Molly, Hạt lựu, Bình tích, Bảy màu	Nuôi sinh sản - thương phẩm	500 m ²	6	1	1	1	
9	Cá Trê lai	Nuôi ao	1 ha	4	1	1	1	
10	Cá Dứa/Cá Tra bần	Nuôi ao	1 ha	12	1	1	1	Cán bộ chỉ đạo không quá 9 tháng/năm
11	Cua biển (<i>Scylla</i> sp.), giống sinh sản nhân tạo	Nuôi thâm canh trong ao	1 ha	5	1	1	1	

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 2**ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 2****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 01/2014/CT-UBND

*Quận 2, ngày 12 tháng 02 năm 2014***CHỈ THỊ****Về tập trung thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội
và dự toán ngân sách nhà nước năm 2014**

Năm 2014 là năm thứ tư, năm bản lề có ý nghĩa quan trọng, tạo đà thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ IX, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ quận lần thứ IV về các chỉ tiêu, nhiệm vụ Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011- 2015.

Căn cứ Kết luận chỉ đạo, Chỉ thị của Ủy ban nhân dân thành phố về những giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế xã hội và thu chi ngân sách nhà nước năm 2013; căn cứ Nghị quyết của Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ quận lần thứ 15 khóa IV, Chương trình làm việc của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và Thường trực Quận ủy năm 2014; Quyết định số 760/QĐ-UBND ngày 27/01/2014 của Ủy ban nhân dân quận về ban hành Kế hoạch chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách năm 2014, để tiếp tục phát huy tinh thần năng động, sáng tạo, tận dụng thời cơ, vượt qua khó khăn thách thức, hoàn thành thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội và thu chi ngân sách năm 2014, Ủy ban nhân dân quận yêu cầu Thủ trưởng các phòng ban, đơn vị thuộc quận và Chủ tịch Ủy ban nhân dân 11 phường:

1. Triển khai, quán triệt trong toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, người lao động đang công tác tại cơ quan, đơn vị về mục tiêu, nhiệm vụ và các giải pháp chủ yếu của Nghị quyết số 38/2013/NQHĐND ngày 12/12/2013 của Hội đồng nhân dân thành phố về nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2014; Quyết định số 56/2013/QĐ-UBND ngày 10/12/2013 của Ủy ban nhân dân thành phố về giao chỉ tiêu dự toán thu - chi ngân sách nhà nước năm 2014; Chỉ thị số 21/2013/CT-UBND ngày 27/12/2013 của

Ủy ban nhân dân thành phố về tập trung thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và ngân sách thành phố năm 2014; Kế hoạch chi đạo, điều hành phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách năm 2014 của quận 2; cố gắng, nỗ lực hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao ngay từ những tháng đầu năm 2014; phấn đấu hoàn thành và vượt các chỉ tiêu kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh theo Kế hoạch đã đề ra.

2. Căn cứ Kế hoạch chi đạo, điều hành phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách năm 2014 được ban hành kèm theo Quyết định số 760/QĐ-UBND ngày 27/01/2014 của Ủy ban nhân dân quận, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp thuộc quận, Ủy ban nhân dân 11 phường khẩn trương chủ động xây dựng Kế hoạch công tác năm để tổ chức thực hiện và làm căn cứ đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị. Nội dung của kế hoạch phải đầy đủ, đúng hướng, đảm bảo chất lượng, hiệu quả; có giải pháp và biện pháp tổ chức thực hiện rõ ràng, cụ thể; phân công trách nhiệm cho từng cán bộ, công chức, viên chức; xác định chi tiết phương thức, điều kiện và thời gian tổ chức thực hiện; đồng thời lưu ý tăng cường công tác kiểm tra, giám sát để đảm bảo công việc hoàn thành đúng tiến độ. Thường xuyên theo dõi, đôn đốc việc thực hiện các kết luận, ý kiến chỉ đạo của Ủy ban nhân dân quận về thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm, có biện pháp thống kê, đánh giá chất lượng công tác tham mưu của từng cơ quan, đơn vị để chấn chỉnh kịp thời. Hàng tháng, hàng quý phải sơ kết rút kinh nghiệm để kịp thời khắc phục các mặt còn tồn đọng, thiếu sót; đề xuất, kiến nghị tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc phát sinh.

3. Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình, kế hoạch, đề án thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ quận lần thứ IV và 06 Chương trình đột phá của thành phố theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ IX đã đề ra.

4. Tập trung thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước ngay từ những tháng đầu năm 2014, phấn đấu vượt ít nhất 8% chỉ tiêu pháp lệnh được giao (699 tỷ 500 triệu đồng); tập trung xử lý nợ đọng, đảm bảo nợ phát sinh không quá 5% tổng dự toán được giao trong năm; phấn đấu kiểm tra tối thiểu 15% số doanh nghiệp đang hoạt động. Thực hiện tốt Quy chế phối hợp thực hiện nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước trên địa bàn ban hành kèm theo Quyết định số 7173/QĐ-UBND-VP ngày 26/12/2013 của Ủy ban nhân dân quận; tổ chức quán triệt, hướng dẫn các chế độ, chính sách thuế mới áp dụng trong năm 2014; tăng cường công tác quản lý thu, khai thác nguồn thu, bao gồm cả nguồn thu từ xử phạt vi phạm hành chính; triển khai quyết liệt các biện pháp chống thất thu ngân sách.

Tăng cường quản lý và kiểm soát chặt chẽ các khoản chi ngân sách nhà nước, triệt để thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Các phòng ban, cơ quan, đơn vị thuộc quận, Ủy ban nhân dân 11 phường phải sắp xếp, phân loại các nhiệm vụ chi theo thứ tự ưu tiên; thực hiện chi trong phạm vi dự toán được giao và nguồn thu được hưởng theo phân cấp, đảm bảo đúng tiêu chuẩn, chế độ, định mức quy định, hạn chế tối đa việc đề xuất bổ sung ngoài dự toán. Thực hiện nghiêm chế độ công khai tài chính ngân sách nhà nước, công khai dự toán, quyết toán ngân sách các cấp, các đơn vị sử dụng ngân sách; công khai các quỹ huy động đóng góp của nhân dân, các dự án đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước... để tăng cường quyền giám sát của các đoàn thể xã hội, thực hiện quy chế dân chủ cơ sở nhằm phát hiện và ngăn chặn những sai phạm, tiêu cực trong quản lý tài chính, ngân sách nhà nước.

5. Đẩy nhanh tiến độ triển khai Đề án chuyển đổi công năng khu công nghiệp Cát Lái, cụm công nghiệp quận và Chương trình hỗ trợ chuyển dịch cơ cấu kinh tế trên địa bàn quận giai đoạn 2014-2015; tham mưu Ủy ban nhân dân quận Kế hoạch triển khai Nghị quyết Hội nghị Ban chấp hành Đảng bộ quận lần thứ 15 (khóa IV) về các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển thương mại - dịch vụ trên địa bàn đến năm 2015; phấn đấu đến cuối năm 2014, đưa tỷ trọng ngành thương mại - dịch vụ đạt trên 65% trong cơ cấu các ngành kinh tế trên địa bàn. Tăng cường phối hợp giữa các đơn vị chức năng và Ủy ban nhân dân các phường trong hoạt động kiểm tra, kiểm soát giá cả, thị trường; theo dõi biến động giá cả các nhóm hàng hóa thiết yếu và dự báo biến động giá cả trên địa bàn; xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật về giá, gian lận thương mại, đầu cơ, buôn lậu, hàng giả, hàng kém chất lượng...

6. Tập trung đẩy mạnh thực hiện có hiệu quả, chất lượng, đúng tiến độ các chương trình, công trình trọng điểm theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ quận, các công trình phòng chống lụt bão, phấn đấu hoàn thành đưa vào sử dụng 07 công trình, khởi công mới 04 công trình, lập thủ tục đầu tư, chuẩn bị thực hiện 12 công trình; phấn đấu đầu tư, nâng cấp 19 tuyến đường đất đá; đảm bảo tiến độ giải ngân vốn đầu tư xây dựng cơ bản từ ngân sách đạt trên 85% tổng kế hoạch vốn được giao trong năm theo đúng tinh thần Nghị quyết Hội nghị Ban chấp hành Đảng bộ quận lần thứ 15 (khóa IV). Chủ động phối hợp với các sở, ngành thành phố để thúc đẩy nhanh tiến độ thực hiện các công trình trọng điểm; thường xuyên kiểm tra và chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng các dự án trọng điểm của thành phố và của quận. Tăng cường công tác quản lý, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư từ

ngân sách đồng thời với việc đẩy mạnh xã hội hóa, thu hút các nguồn lực xã hội cho đầu tư phát triển; tập trung thu huy động nghĩa vụ tài chính từ các dự án đầu tư trên địa bàn đã được thành phố chấp thuận về chủ trương.

7. Tăng cường chỉ đạo và tổ chức thực hiện kiên quyết kéo giảm rõ rệt số vụ vi phạm pháp luật về đất đai, xây dựng trên địa bàn, thực hiện tháo dỡ ngay từ đầu công trình vi phạm phát sinh mới; phấn đấu hoàn thành chỉ tiêu giảm tối thiểu 50% số vụ vi phạm xây dựng không phép so với năm 2013. Tổ chức thực hiện hoàn thành các Quyết định xử lý vi phạm hành chính trên lĩnh vực đất đai, xây dựng; tiếp tục nghiên cứu, có biện pháp phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị và các tầng lớp nhân dân cùng chính quyền nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về đất đai, xây dựng, quản lý trật tự đô thị trên địa bàn. Đảm bảo trật tự lòng lề đường, vệ sinh môi trường và mỹ quan đô thị, không để phát sinh thêm các điểm bán hàng rong, tụ tập lấn chiếm lòng lề đường, nhất là trên 12 tuyến đường trọng điểm của quận.

8. Thực hiện thường xuyên, kịp thời công tác đảm bảo an sinh xã hội; có giải pháp, phương thức tổ chức thực hiện Chương trình giảm nghèo, tăng hộ khá phong phú, đa dạng hơn; đẩy mạnh phong trào Vì người nghèo, phấn đấu đưa ra khỏi chương trình ít nhất 30% hộ nghèo theo chuẩn nghèo mới của thành phố. Đẩy mạnh phong trào đền ơn đáp nghĩa, tích cực chăm lo cho diện chính sách, các đối tượng xã hội, người già, người khuyết tật, trẻ em mồ côi, cơ nhỡ. Đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy các cấp học, từng bước nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, thực hiện chặt chẽ, khoa học đối với công tác phân luồng học sinh và dự báo tình hình học sinh đầu cấp; triển khai Đề án “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”, tăng cường công tác chăm sóc, giáo dục, bảo vệ trẻ em. Tiếp tục thực hiện xã hội hóa hoạt động văn hóa nghệ thuật - thể dục thể thao; tăng cường công tác quản lý Nhà nước về văn hóa - xã hội. Nâng cao chất lượng công tác chăm sóc sức khỏe của nhân dân; tập trung giáo dục ý thức vệ sinh trong cộng đồng, quản lý thuốc chữa bệnh, quản lý chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm. Chủ động phòng ngừa dịch bệnh, không để xảy ra dịch bệnh nguy hiểm trên địa bàn quận.

9. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Chương trình cải cách hành chính gắn với mục tiêu xây dựng mô hình chính quyền đô thị, giai đoạn 2011 - 2015. Duy trì thường xuyên công tác kiểm tra, chỉ đạo thực hiện công tác cải cách hành chính theo hướng công khai, minh bạch, chuyên nghiệp, hiện đại; có biện pháp chỉ đạo giải quyết dứt

điểm hồ sơ hành chính về nhà, đất trễ hạn; xem sự hài lòng của công dân, tổ chức là một trong những thước đo hiệu quả công tác này. Thường xuyên kiểm tra định kỳ, đột xuất việc chấp hành công vụ; tăng cường trật tự kỷ cương hành chính trong công tác chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân quận, Ủy ban nhân dân phường. Nâng cao hiệu quả công tác giải quyết khiếu nại, khiếu kiện tại quận và phường; tiếp tục chủ động ngăn ngừa, không để phát sinh khiếu nại, tố cáo đông người. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị phải thực hiện tốt trách nhiệm của người đứng đầu; tăng cường công tác tự kiểm tra và nâng cao chất lượng công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát các lĩnh vực quản lý nhà nước về đất đai, xây dựng, đầu tư xây dựng cơ bản, công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng và công tác giải quyết hồ sơ hành chính cho nhân dân. Tăng cường công tác đấu tranh phòng chống tham nhũng, lãng phí.

10. Tập trung thực hiện tốt nhiệm vụ quốc phòng - an ninh năm 2014, gắn kết chặt chẽ với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội; xây dựng thế trận an ninh nhân dân, thế trận quốc phòng toàn dân vững mạnh. Tiếp tục thực hiện có kết quả các chương trình quốc gia phòng, chống tội phạm và các tệ nạn xã hội, theo đó, kiên quyết đấu tranh, trấn áp các loại tội phạm về cướp giết, sử dụng ma túy; tiếp tục giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Hạn chế đến mức thấp nhất tình trạng cháy, nổ, đặc biệt là trong mùa khô và trong các khu dân cư, chợ, khu công nghiệp, các địa bàn phức tạp. Tập trung kéo giảm ít nhất 5% tai nạn giao thông trên cả 3 mặt, không để phát sinh đua xe trái phép, gây rối trật tự công cộng trên địa bàn. Hoàn thành công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ và diễn tập khu vực phòng thủ năm 2014.

11. Phát động phong trào thi đua yêu nước gắn với việc thực hiện “Học tập và làm theo tấm gương, phong cách, đạo đức Hồ Chí Minh”, thực hiện chương trình “Vì dân phục vụ” và triển khai Phương hướng tiếp tục thực hiện Kết luận số 08-KL/QU ngày 14/01/2013 của Ban Thường vụ Quận ủy về các giải pháp khắc phục hạn chế, khuyết điểm sau khi kiểm điểm tự phê bình, phê bình đối với tập thể và cá nhân Ban Thường vụ Quận ủy theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI) về “Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay”. Phát huy tinh thần đoàn kết, thống nhất; chung sức chung lòng, phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh đã đề ra.

12. Tổ chức thực hiện:

12.1. Giao Văn phòng Ủy ban nhân dân quận theo dõi, đôn đốc chuẩn bị nội dung; sắp xếp, bố trí thời gian để Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận

thông qua Kế hoạch, chương trình công tác năm 2014 của các phòng, ban, cơ quan đơn vị và Ủy ban nhân dân 11 phường; phối hợp chặt chẽ với Văn phòng Quận ủy trong công tác đôn đốc, theo dõi việc chuẩn bị các chương trình, đề án, kế hoạch theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ quận lần thứ IV đã đề ra và những nhiệm vụ công tác trọng tâm trình Ban Thường vụ Quận ủy và Ban Chấp hành Đảng bộ quận đúng thời gian quy định. Lưu ý theo dõi, đôn đốc thủ trưởng cơ quan, đơn vị chuẩn bị nội dung, bố trí lịch để xem xét, thông qua các đề án, kiểm tra tiến độ, kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao.

12.2. Yêu cầu thủ trưởng cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân quận và Ủy ban nhân dân các phường chấp hành nghiêm túc chế độ thông tin, báo cáo theo quy định; phát huy tinh thần năng động, sáng tạo, thực hiện đầy đủ trách nhiệm của người đứng đầu, thường xuyên kiểm tra, giám sát công chức, viên chức, người lao động và địa bàn quản lý để có giải pháp chấn chỉnh kịp thời. Định kỳ hàng tháng, hàng quý, 6 tháng, Ủy ban nhân dân quận tổ chức họp thường kỳ để kiểm tra tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc phát sinh.

12.3. Định kỳ hàng quý, Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận trực tiếp làm việc với từng đơn vị (theo lĩnh vực được phân công phụ trách) về kết quả công tác của quý trước và kế hoạch thực hiện nhiệm vụ quý sau trước khi thông qua Ủy ban nhân dân quận báo cáo tình hình kinh tế xã hội quý, 6 tháng, 9 tháng và cả năm.

Ủy ban nhân dân quận yêu cầu Thủ trưởng các đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường thực hiện nghiêm nội dung Chỉ thị này để thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội và ngân sách quận năm 2014, góp phần tích cực cùng thành phố hoàn thành các nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và ngân sách nhà nước năm 2014./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Cư

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 5**ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 5****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 02/2014/QĐ-UBND

Quận 5, ngày 03 tháng 3 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH**Về ban hành Quy chế văn hóa công sở tại các cơ quan hành chính nhà nước
trên địa bàn Quận 5****ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 5**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị quyết số 725/2009/UBTVQH12 ngày 16 tháng 01 năm 2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về điều chỉnh nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và quy định nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Ủy ban nhân dân huyện, quận, phường nơi không tổ chức Hội đồng nhân dân huyện, quận, phường;

Căn cứ Quyết định số 129/2007/QĐ-TTg ngày 02 tháng 8 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Quy chế văn hóa công sở tại các cơ quan hành chính nhà nước;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Nội vụ quận 5 tại Tờ trình số 136/TTr-NV ngày 20 tháng 02 năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế văn hóa công sở tại các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn Quận 5.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 7 (bảy) ngày, kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Quận, Trưởng phòng Nội vụ, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Quận và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các Phường quận 5 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Huỳnh Thị Thảo

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 5

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

Văn hóa công sở tại các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn Quận 5

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 02/2014/QĐ-UBND
ngày 03 tháng 3 năm 2014 của Ủy ban nhân dân quận 5)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng điều chỉnh

Quy chế này quy định về trang phục, giao tiếp và ứng xử của cán bộ, công chức, nhân viên cơ quan hành chính nhà nước (sau đây gọi chung là cán bộ, công chức) khi thi hành nhiệm vụ, bài trí công sở tại các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn Quận 5, bao gồm:

1. Ủy ban nhân dân quận 5, các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận 5.
2. Ủy ban nhân dân 15 phường quận 5.

Điều 2. Nguyên tắc thực hiện văn hóa công sở

Việc thực hiện văn hoá công sở tuân thủ các nguyên tắc sau đây:

1. Phù hợp với truyền thống, bản sắc văn hoá dân tộc và điều kiện kinh tế - xã hội.
2. Phù hợp với định hướng xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức chuyên nghiệp, hiện đại.
3. Phù hợp với các quy định của pháp luật và mục đích, yêu cầu cải cách hành chính, chủ trương hiện đại hoá nền hành chính nhà nước.

Điều 3. Mục đích

Việc thực hiện văn hóa công sở nhằm các mục đích sau đây:

1. Bảo đảm tính trang nghiêm và hiệu quả hoạt động của các cơ quan, đơn vị hành chính nhà nước.

2. Xây dựng phong cách ứng xử chuẩn mực của cán bộ, công chức trong hoạt động công vụ, hướng tới mục tiêu xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có phẩm chất đạo đức tốt, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

Điều 4. Các hành vi bị cấm

1. Hút thuốc lá trong phòng làm việc.
2. Sử dụng đồ uống có cồn tại công sở, trừ trường hợp được sự đồng ý của lãnh đạo cơ quan vào các dịp liên hoan, lễ tết, tiếp khách ngoại giao.
3. Quảng cáo thương mại tại công sở.

Chương II

TRANG PHỤC, GIAO TIẾP VÀ ỨNG XỬ CỦA CÁN BỘ, CÔNG CHỨC

Mục 1

TRANG PHỤC CỦA CÁN BỘ, CÔNG CHỨC

Điều 5. Trang phục

1. Khi thực hiện nhiệm vụ, cán bộ, công chức phải mặc trang phục gọn gàng, lịch sự, đi giày hoặc dép có quai hậu phù hợp với thời tiết, tính chất công việc.
2. Đối với những ngành có trang phục riêng thì thực hiện theo quy định của pháp luật.
3. Khuyến khích cơ quan, đơn vị trang bị đồng phục cho cán bộ, công chức tại cơ quan, đơn vị mình.

Điều 6. Lễ phục

Lễ phục của cán bộ, công chức là trang phục chính thức được sử dụng trong những buổi lễ, cuộc họp trọng thể, các cuộc tiếp khách nước ngoài.

1. Lễ phục của nam cán bộ, công chức: Bộ comple, áo sơ mi, cravat.
2. Lễ phục của nữ cán bộ, công chức: Áo dài truyền thống, bộ comple nữ.

Điều 7. Thẻ cán bộ, công chức

1. Cán bộ, công chức phải đeo thẻ khi thực hiện nhiệm vụ.
2. Thẻ cán bộ, công chức phải có tên cơ quan, ảnh, họ và tên, chức danh của cán bộ, công chức theo mẫu quy định của Sở Nội vụ thành phố Hồ Chí Minh.

Mục 2

GIAO TIẾP VÀ ỨNG XỬ CỦA CÁN BỘ, CÔNG CHỨC

Điều 8. Giao tiếp và ứng xử

Cán bộ, công chức khi thi hành nhiệm vụ phải thực hiện các quy định về những việc phải làm và những việc không được làm theo quy định của pháp luật.

Trong giao tiếp và ứng xử, cán bộ, công chức phải có thái độ lịch sự, tôn trọng. Ngôn ngữ giao tiếp phải rõ ràng, mạch lạc; không nói tục, nói tiếng lóng, quát nạt.

Điều 9. Giao tiếp và ứng xử với nhân dân

Trong giao tiếp và ứng xử với nhân dân, cán bộ, công chức phải nhã nhặn, lắng nghe ý kiến, giải thích, hướng dẫn rõ ràng, cụ thể về các quy định liên quan đến giải quyết công việc.

Cán bộ, công chức không được có thái độ hách dịch, nhũng nhiễu, gây khó khăn, phiền hà khi thực hiện nhiệm vụ.

Điều 10. Giao tiếp và ứng xử với đồng nghiệp

Trong giao tiếp và ứng xử với đồng nghiệp, cán bộ, công chức phải có thái độ trung thực, thân thiện, hợp tác.

Điều 11. Giao tiếp qua điện thoại

Khi giao tiếp qua điện thoại, cán bộ, công chức phải xưng tên, cơ quan, đơn vị nơi công tác; trao đổi ngắn gọn, tập trung vào nội dung công việc; không ngắt điện thoại đột ngột.

Chương III

BÀI TRÍ CÔNG SỞ

Mục 1

QUỐC HUY, QUỐC KỶ

Điều 12. Treo Quốc huy

Quốc huy được treo trang trọng tại phía trên cổng chính hoặc toà nhà chính. Kích cỡ Quốc huy phải phù hợp với không gian treo. Không treo Quốc huy quá cũ hoặc bị hư hỏng.

Điều 13. Treo Quốc kỳ

1. Quốc kỳ được treo nơi trang trọng trước công sở hoặc toà nhà chính. Quốc kỳ phải đúng tiêu chuẩn về kích thước, màu sắc đã được Hiến pháp quy định.

2. Việc treo Quốc kỳ trong các buổi lễ, đón tiếp khách nước ngoài và lễ tang tuân theo quy định về nghi lễ nhà nước và đón tiếp khách nước ngoài, tổ chức lễ tang.

Mục 2**BÀI TRÍ KHUÔN VIÊN CÔNG SỞ****Điều 14. Biển tên cơ quan**

1. Cơ quan phải có biển tên được đặt tại cổng chính, trên đó ghi rõ tên gọi đầy đủ bằng tiếng Việt và tiếng Anh, ghi địa chỉ của cơ quan.

2. Biển tên cơ quan phải đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 05/2008/TT-BNV ngày 07 tháng 8 năm 2008 của Bộ Nội vụ về hướng dẫn biển tên cơ quan hành chính nhà nước.

Điều 15. Phòng làm việc

Phòng làm việc phải có biển tên ghi rõ tên đơn vị, họ và tên, chức danh cán bộ, công chức. Bàn làm việc phải có biển tên ghi rõ họ và tên chức danh cán bộ, công chức.

Việc sắp xếp, bài trí phòng làm việc phải bảo đảm gọn gàng, ngăn nắp, khoa học, hợp lý.

Không lập bàn thờ, thắp hương, không đun, nấu (trừ đun, nấu nước uống) trong phòng làm việc.

Điều 16. Khu vực để phương tiện giao thông

Cơ quan có trách nhiệm bố trí khu vực để phương tiện giao thông của cán bộ, công chức và của người đến giao dịch, làm việc. Không thu phí gửi phương tiện giao thông của người đến giao dịch, làm việc.

Điều 17. Tổ chức thực hiện

1. Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân 15 Phường và toàn thể cán bộ, công chức thuộc Quận có trách nhiệm triển khai thực hiện nghiêm túc Quy chế này.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận 5, Trưởng phòng Nội vụ quận 5 có trách nhiệm đôn đốc, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị báo cáo về Ủy ban nhân dân Quận (thông qua Phòng Nội vụ) để xem xét sửa đổi, điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình thực tế của Quận./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Huỳnh Thị Thảo

PHẦN VĂN BẢN KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 818/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 02 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

**Về duyệt điều chỉnh cục bộ đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị
tỷ lệ 1/2000 (quy hoạch phân khu) Khu trung tâm hiện hữu
Thành phố Hồ Chí Minh (930ha)**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 38/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về Quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị;

Căn cứ Quyết định số 24/QĐ-TTg ngày 06 tháng 01 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 19/2010/TT-BXD ngày 22 tháng 10 năm 2010 của Bộ xây dựng về hướng dẫn lập Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị;

Căn cứ Quyết định số 04/2008/QĐ-BXD ngày 03 tháng 4 năm 2008 và Quyết định số 682/BXD-CSXD ngày 14 tháng 12 năm 1996 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch - Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 50/2011/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố về lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch đô thị trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 62/2012/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 50/2011/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2011 về lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch đô thị trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 28/2011/QĐ-UBND ngày 19 tháng 5 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc ban hành Quy định về điều chỉnh quy hoạch đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 6708/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố về duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 (quy hoạch phân khu) Khu trung tâm hiện hữu Thành phố Hồ Chí Minh (930ha);

Căn cứ Quyết định số 3457/QĐ-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố về duyệt Quy chế quản lý không gian, kiến trúc cảnh quan đô thị Khu trung tâm hiện hữu Thành phố Hồ Chí Minh (930ha);

Căn cứ Thông báo số 845/TB-VP-M ngày 25 tháng 12 năm 2012 và Thông báo số 669/TB-VP-M ngày 05 tháng 01 năm 2013 của Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố về nội dung kết luận chỉ đạo của Thường trực Ủy ban nhân dân Thành phố về dự án số 164 đường Đồng Khởi, Quận 1;

Xét đề nghị của Sở Quy hoạch - Kiến trúc tại Tờ trình số 4459/TTr-SQHKT ngày 04 tháng 12 năm 2013 về trình phê duyệt điều chỉnh cục bộ đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 (quy hoạch phân khu) Khu trung tâm hiện hữu Thành phố Hồ Chí Minh (930ha),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Duyệt điều chỉnh cục bộ đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 (quy hoạch phân khu) Khu trung tâm hiện hữu Thành phố Hồ Chí Minh (930ha) với các nội dung chính như sau:

1. Vị trí, diện tích và giới hạn phạm vi điều chỉnh cục bộ quy hoạch:

- Diện tích khu đất điều chỉnh cục bộ quy hoạch: khoảng 9.700m².
- Vị trí và giới hạn phạm vi khu đất điều chỉnh cục bộ quy hoạch: Thuộc ô phố

tiếp giáp các trục đường Nguyễn Du (lộ giới 20m) - Đồng Khởi (lộ giới 20m) - Lý Tự Trọng (lộ giới 20m) - Hai Bà Trưng (lộ giới 20m).

+ Phía Đông: giáp đường Lý Tự Trọng.

+ Phía Tây: giáp đường Nguyễn Du.

+ Phía Nam: giáp đường Đồng Khởi.

+ Phía Bắc: giáp ranh trường Trần Đại Nghĩa.

Có ký hiệu: PA-1 và P3 trên bản vẽ tổng mặt bằng quy hoạch sử dụng đất của đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 (quy hoạch phân khu) Khu trung tâm hiện hữu Thành phố Hồ Chí Minh (930ha), thuộc phường Bến Nghé Quận 1.

2. Bản vẽ điều chỉnh cục bộ quy hoạch (thể hiện tại Phụ lục 1 và 2 đính kèm Quyết định này)

- Trích bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng quy hoạch sử dụng đất của đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu trung tâm hiện hữu Thành phố Hồ Chí Minh (930ha) đã được phê duyệt.

- Bản đồ vị trí khu đất điều chỉnh cục bộ trích từ bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng quy hoạch sử dụng đất của đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu trung tâm hiện hữu Thành phố Hồ Chí Minh (930ha) đã được phê duyệt (trong đó có thể hiện nội dung điều chỉnh).

Điều 2. Nội dung điều chỉnh cục bộ quy hoạch

1. Chức năng: Điều chỉnh khu đất có các chức năng quy hoạch xây dựng cụ thể như sau: Thương mại - dịch vụ, văn hóa, khách sạn cao cấp, văn phòng tài chính, khu trung bày triển lãm (không có chức năng căn hộ ở).

2. Các chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc cơ bản:

- Chiều cao công trình tối đa 100m (khoảng 25 tầng theo QCVN 03/2012).

- Bố cục công trình:

+ Khối công trình giáp góc đường Đồng Khởi và đường Nguyễn Du, có bố cục đối xứng với tòa nhà Metropolitan, gồm khối bệ 4 tầng (lùi so với các ranh lộ giới đường tối thiểu 6m) và khối cao tầng từ 10-12 tầng (có khoảng lùi đối xứng với khối công trình cao tầng của tòa nhà Metropolitan). Lưu ý việc bảo tồn di tích Bót Catinat có thể bố trí tại khu vực giáp đường Nguyễn Du.

+ Khối công trình giáp góc đường Đồng Khởi và đường Lý Tự Trọng có bố cục

đối xứng với công viên Chi Lăng và tòa nhà Vincom, gồm: khối bệ 4 tầng (lùi so với các ranh lộ giới đường xung quanh tối thiểu 6m ÷ 36m để tạo thành khoảng không gian mở tại khu vực); khối tháp cao tầng từ 15 tầng đến 25 tầng, lùi cách lộ giới đường Đồng Khởi từ 14m ÷ 40m, lùi so với lộ giới đường Nguyễn Du 50m và lùi so với lộ giới Lý Tự Trọng tối thiểu 10m.

- Mật độ xây dựng:

+ Khối bệ công trình tối đa: 70%.

+ Khối 10-12 tầng có mật độ xây dựng tối đa 60%;

+ Khối tháp 15-25 tầng có mật độ xây dựng tối đa: 35%.

- Hệ số sử dụng đất tối đa: 12-13.

- Số tầng hầm: không giới hạn (nhưng phải thực hiện theo đúng quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam hiện hành).

Điều 3. Các nội dung cần lưu ý và trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị có liên quan.

- Về tầng cao: số tầng bao gồm các tầng được quy định tại QCVN 03/2012 của Bộ Xây dựng.

- Về chiều cao xây dựng (m): trong quá trình triển khai các dự án đầu tư xây dựng công trình theo quy hoạch, cần tuân thủ theo quy định tại Nghị định số 20/2009/NĐ-CP ngày 23 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ về quản lý độ cao chướng ngại vật hàng không và các trận địa quản lý, bảo vệ vùng trời tại Việt Nam.

- Về bảo tồn di tích Bót Catinat, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện theo đúng chỉ đạo của Thường trực Ủy ban nhân dân Thành phố tại Thông báo số 845/TB-VP-M ngày 25 tháng 12 năm 2012 và Thông báo số 128/TB-VP-M ngày 10 tháng 3 năm 2012 (không thực hiện phương án phục dựng di tích, chỉ lưu giữ hiện vật nếu có, xây dựng sa bàn, mô hình về Bót Catinat, làm bia gắn bảng sự kiện di tích tại khu đất trên).

- Giao Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Ủy ban nhân dân Quận 1, cơ quan tổ chức lập quy hoạch đô thị có trách nhiệm cập nhật và thể hiện trong hồ sơ đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu Trung tâm hiện hữu Thành phố Hồ Chí Minh những nội dung điều chỉnh nêu trên theo quy định.

- Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày được phê duyệt, Ủy ban nhân dân Quận 1

phối hợp với Sở Quy hoạch - Kiến trúc có trách nhiệm công bố công khai nội dung điều chỉnh cục bộ đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 này theo quy định.

- Giao Sở Quy hoạch - Kiến trúc rà soát, đánh giá quá trình tổ chức thực hiện đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 này (khu 930ha) theo định kỳ quy định và cần tổng hợp các nội dung điều chỉnh để đưa vào nội dung nghiên cứu điều chỉnh tổng thể đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu Trung tâm hiện hữu Thành phố Hồ Chí Minh (bao gồm nội dung hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội). Trong quá trình quản lý, tổ chức triển khai thực hiện theo quy hoạch được duyệt, Sở Quy hoạch - Kiến trúc phải thường xuyên rà soát, quản lý chặt chẽ để có đề xuất kịp thời khắc phục những phát sinh (nếu có) do việc điều chỉnh cục bộ quy hoạch, nhằm phát triển đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội trong phạm vi đồ án, đảm bảo việc quản lý, phát triển đô thị phù hợp với nội dung đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 và các nội dung điều chỉnh cục bộ quy hoạch đã được duyệt.

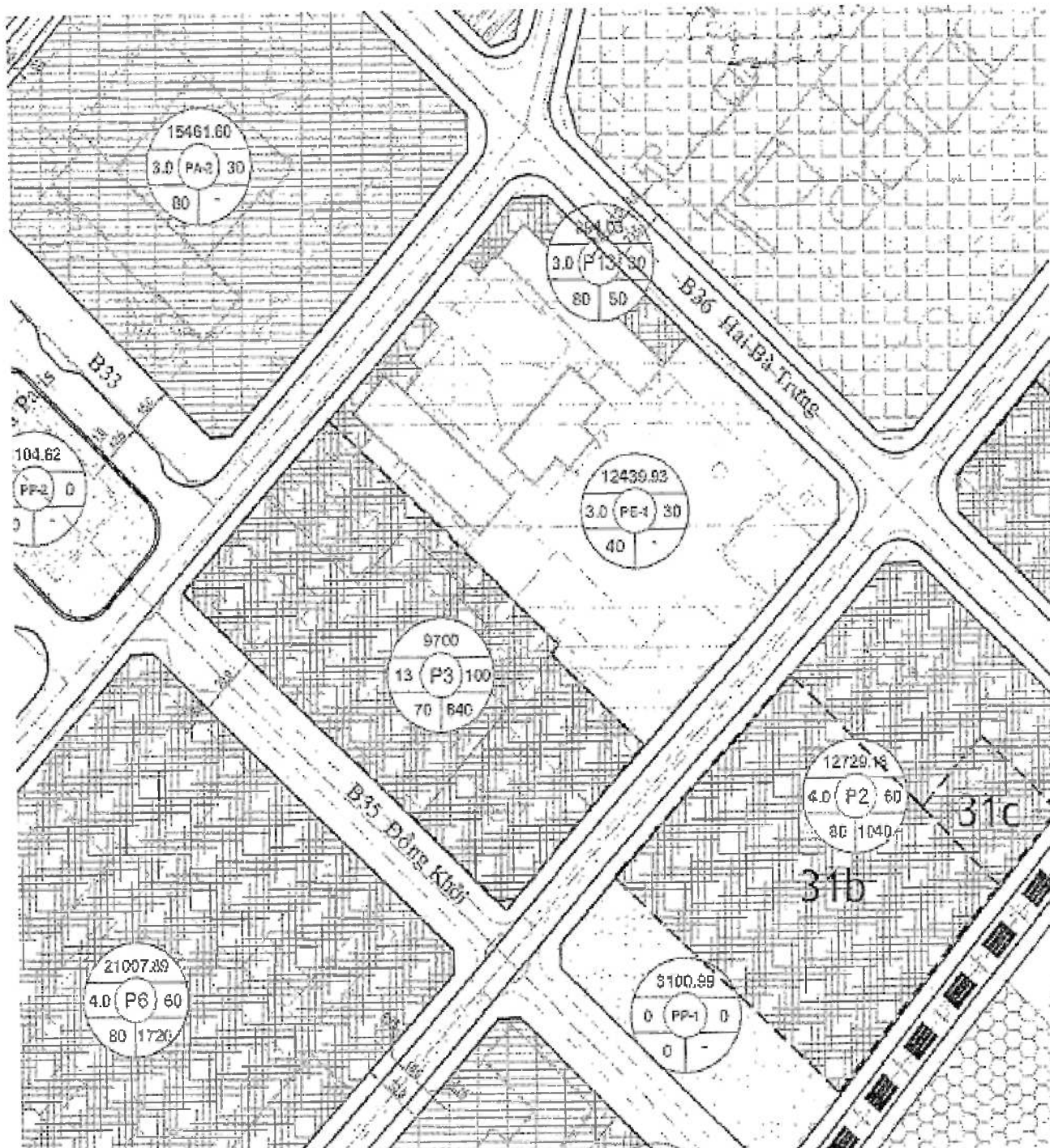
- Công tác cấm mốc giới theo nội dung điều chỉnh cục bộ đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 này cần được tổ chức thực hiện theo Thông tư số 15/2010/TT-BXD ngày 27 tháng 8 năm 2010 của Bộ Xây dựng.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Viện trưởng Viện Nghiên cứu phát triển Thành phố, Thủ trưởng các Sở - Ban - Ngành có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 1, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Bến Nghé, Giám đốc Ban Quản lý dự án quy hoạch xây dựng (thuộc Sở Quy hoạch - Kiến trúc) và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Hữu Tín

PHỤ LỤC 2 ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ ĐỐI VỚI KHU ĐẤT



**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 941/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt phương án di dời khẩn cấp 08 hộ dân sinh sống
tại khu vực bị sạt lở đoạn bờ sông Nhà Bè thuộc ấp Bình Mỹ,
xã Bình Khánh, huyện Cần Giờ**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 1776/QĐ-TTg ngày 21 tháng 11 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình bố trí dân cư các vùng thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2013 - 2015 và định hướng đến năm 2020;

Căn cứ Công văn số 1610/BNN-KTHT ngày 15 tháng 5 năm 2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn thực hiện Chương trình bố trí dân cư theo Quyết định số 1776/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 33/2011/QĐ-TTg ngày 10 tháng 6 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc miễn tiền sử dụng đất ở hộ dân làng chài, dân sống trên sông nước, đâm phá di chuyển đến định cư tại các khu, điểm tái định cư;

Căn cứ Thông tư số 21/2007/TT-BNN ngày 27 tháng 3 năm 2007 và Thông tư 14/2010/TT-BNNPTNT ngày 19 tháng 3 năm 2010 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn, quy định, quy trình bố trí ổn định dân cư thực hiện chương trình bố trí dân cư theo Quyết định 193/2006/QĐ-TTg ngày 24 tháng 8 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 41/2013/QĐ-UBND ngày 27 tháng 9 năm 2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành quy định về các chế độ, chính sách và mức hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Công văn số 1921/UBND-ĐTMT ngày 02 tháng 5 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố về hỗ trợ chi phí thuê nhà ở tạm cư trong thời gian các hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất chờ bố trí nhà, đất tái định cư trên địa bàn Thành phố;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ tại Tờ trình số 62/TTr-UBND ngày 14 tháng 10 năm 2013 về phê duyệt Phương án di dời khẩn cấp 08 hộ dân sinh sống tại khu vực bị sạt lở đoạn bờ sông Nhà Bè thuộc ấp Bình Mỹ, xã Bình Khánh, huyện Cần Giờ; ý kiến đề xuất của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Công văn số 187/SNN-PTNT ngày 11 tháng 02 năm 2014 về phương án di dời khẩn cấp 8 hộ dân huyện Cần Giờ và 10 hộ dân Quận 12;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay phê duyệt Phương án di dời khẩn cấp 08 hộ dân sinh sống tại khu vực bị sạt lở đoạn bờ sông Nhà Bè thuộc ấp Bình Mỹ, xã Bình Khánh, huyện Cần Giờ, với nội dung chủ yếu như sau:

1. Mục tiêu của phương án: thực hiện bố trí ổn định dân cư tại vùng sạt lở, nhằm ổn định và nâng cao đời sống người dân, hạn chế thiệt hại về người và tài sản do sạt lở.

2. Đối tượng di dời của phương án: các hộ dân sống tại khu vực bị sạt lở đoạn bờ sông Nhà Bè thuộc ấp Bình Mỹ, xã Bình Khánh, huyện Cần Giờ.

3. Số hộ (khẩu) di dời: 08 hộ/41 nhân khẩu.

4. Địa điểm nhận dân: khu dân cư Cọ Dầu, xã Bình Khánh, huyện Cần Giờ.

5. Giải pháp thực hiện phương án di dời:

5.1. Giải pháp về đất đai:

Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ chỉ hỗ trợ mỗi hộ dân di dời 01 nền đất để xây dựng nhà ở (khoảng 100 m²/hộ) theo Quyết định số 1776/QĐ-TTg ngày 21 tháng 11 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ, miễn thu tiền sử dụng đất đối với các hộ di dời theo phương án. Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ chỉ được cấp nền đất xây dựng nhà ở cho các hộ dân không có đất để di dời nhà ở (07/08 hộ được cấp nền đất). Các hộ

dân được cấp đất để xây nhà ở có trách nhiệm bàn giao lại đất đang ở cho Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ quản lý theo quy định.

Địa điểm nền đất tái bố trí các hộ di dời: bố trí 07 nền đất làm nhà ở cho 07 hộ, diện tích mỗi nền đất khoảng 100 m²/hộ tại khu dân cư Cọ Dầu, xã Bình Khánh, huyện Cần Giờ.

5.2. Giải pháp về hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai:

Tất cả các hộ di dời theo phương án (08/08 hộ) được hỗ trợ kinh phí di dời 20 triệu đồng/hộ, hỗ trợ kinh phí khắc phục thiên tai 20 triệu đồng/hộ, hỗ trợ kinh phí trợ giúp cứu đói 30 kg gạo/người/tháng (thời gian hỗ trợ 12 tháng) theo chủ trương của Ủy ban nhân dân thành phố tại Quyết định số 41/2013/QĐ-UBND ngày 27 tháng 9 năm 2013 về ban hành quy định về các chế độ, chính sách và mức hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

5.3. Giải pháp về hỗ trợ tạm cư:

07/08 hộ dân được cấp đất để xây nhà ở được hỗ trợ kinh phí thuê nhà tạm cư theo chủ trương của Ủy ban nhân dân Thành phố tại Công văn số 1921/UBND-ĐTMT ngày 02 tháng 5 năm 2012 về hỗ trợ chi phí thuê nhà ở tạm cư trong thời gian các hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất chờ bố trí nhà, đất tái định cư trên địa bàn Thành phố.

6. Kinh phí, nguồn vốn và tiến độ thực hiện phương án:

6.1. Kinh phí thực hiện phương án: tổng số 568,1 triệu đồng, bao gồm:

- Kinh phí hỗ trợ di dời: 160 triệu đồng (08 hộ x 20 triệu đồng/hộ);
- Kinh phí hỗ trợ khắc phục thiên tai: 160 triệu đồng (08 hộ x 20 triệu đồng/hộ);
- Kinh phí trợ giúp cứu đói: 147,6 triệu đồng (41 người x 30 kg gạo/người/tháng x 10.000 đồng/kg gạo x 12 tháng);
- Kinh phí thuê nhà ở tạm cư: 85,5 triệu đồng (hộ có từ 04 nhân khẩu trở xuống: 3.000.000 đồng/hộ/tháng x 03 hộ x 03 tháng + hộ có từ 05 nhân khẩu trở lên: 750.000 đồng/người/tháng x 26 người x 03 tháng);

- Chi phí xây dựng phương án, quản lý quá trình di dời: 15 triệu đồng.

6.2. Nguồn kinh phí thực hiện: nguồn ngân sách huyện Cần Giờ.

6.3. Thời gian thực hiện: hoàn thành trong quý I/2014.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Giao Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Xây dựng, Sở Quy hoạch - Kiến trúc sớm rà soát chặt chẽ, triển khai thực hiện theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố tại Công văn số 6132/UBND-CNN ngày 18 tháng 11 năm 2013 và Thông báo số 75/TB-VP ngày 25 tháng 01 năm 2014; cụ thể:

1. Giao Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ:

- Phân công nhiệm vụ cho các phòng ban, đơn vị trực thuộc nghiên cứu, lập và phê duyệt thiết kế mẫu nhà ở cho các hộ phải di dời phù hợp với tiêu chí nhà ở chương trình xây dựng nông thôn mới và xác định cao độ nền đảm bảo không bị ngập úng trong mùa mưa bão, triều cường; đảm bảo quy định trong lĩnh vực quản lý đầu tư xây dựng nhà ở;

- Lập hồ sơ di dời, tổ chức di dời đúng quy trình theo Thông tư số 14/2010/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

- Phối hợp, chỉ đạo Ủy ban nhân dân xã Bình Khánh vận động các hộ dân sớm di dời theo phương án được phê duyệt; tổ chức giám sát, kiểm tra tiến độ di dời;

- Tổ chức thu hồi và quản lý phần đất đã thu hồi của các hộ dân đã di dời, quyết toán kinh phí theo đúng quy định.

2. Giao Sở Quy hoạch - Kiến trúc chủ trì phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ thiết kế và lựa chọn mẫu nhà ở tái định cư cho các đối tượng di dời có mức kinh phí đầu tư phù hợp với tiêu chí nông thôn mới theo quy định tại Quyết định số 491/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

3. Giao Sở Tài chính hướng dẫn Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ thực hiện chính sách tiền sử dụng đất, thanh quyết toán sử dụng kinh phí để thực hiện phương án di dời khẩn cấp 08 hộ dân do thiên tai theo đúng quy định hiện hành.

4. Giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn, hỗ trợ Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ thực hiện các chính sách giải quyết khó khăn cho các hộ nghèo thuộc đối tượng di dời khẩn cấp.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Tài chính, Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Sở Xây dựng, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Giao thông vận tải, Sở Tài nguyên và Môi trường, Trung tâm Điều hành Chương trình chống ngập nước Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ và các Sở, ngành, đơn vị liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Thanh Liêm

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 942/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt phương án di dời khẩn cấp 10 hộ dân sinh sống
trong khu vực có nguy cơ sạt lở cao tại phường Thạnh Xuân,
phường Thạnh Lộc và phường An Phú Đông, Quận 12**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 1776/QĐ-TTg ngày 21 tháng 11 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình bố trí dân cư các vùng thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2013 - 2015 và định hướng đến năm 2020;

Căn cứ Công văn số 1610/BNN-KTHT ngày 15 tháng 5 năm 2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn thực hiện Chương trình bố trí dân cư theo Quyết định số 1776/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 33/2011/QĐ-TTg ngày 10 tháng 6 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc miễn tiền sử dụng đất ở hộ dân làng chài, dân sống trên sông nước, đằm phá di chuyển đến định cư tại các khu, điểm tái định cư;

Căn cứ Thông tư số 21/2007/TT-BNN ngày 27 tháng 3 năm 2007 và Thông tư số 14/2010/TT-BNNPTNT ngày 19 tháng 3 năm 2010 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn, quy định, quy trình bố trí ổn định dân cư thực hiện chương trình bố trí dân cư theo Quyết định số 193/2006/QĐ-TTg ngày 24 tháng 8 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 41/2013/QĐ-UBND ngày 27 tháng 9 năm 2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành quy định về các chế độ, chính sách và mức hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Công văn số 1921/UBND-ĐTMT ngày 02 tháng 5 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố về hỗ trợ chi phí thuê nhà ở tạm cư trong thời gian các hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất chờ bố trí nhà, đất tái định cư trên địa bàn Thành phố;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân Quận 12 tại Tờ trình số 21/TTr-UBND ngày 30 tháng 10 năm 2013 về phê duyệt Phương án di dời khẩn cấp 10 hộ dân sinh sống trong khu vực có nguy cơ sạt lở cao tại phường Thạnh Xuân, phường Thạnh Lộc và phường An Phú Đông, Quận 12; ý kiến đề xuất của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Công văn số 187/SNN-PTNT ngày 11 tháng 02 năm 2014 về phương án di dời khẩn cấp 8 hộ dân huyện Cần Giờ và 10 hộ dân Quận 12;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay phê duyệt Phương án di dời khẩn cấp 10 hộ dân sinh sống trong khu vực có nguy cơ sạt lở cao tại phường Thạnh Xuân, phường Thạnh Lộc và phường An Phú Đông, Quận 12, với nội dung chủ yếu như sau:

1. Mục tiêu của phương án: thực hiện bố trí ổn định dân cư tại vùng sạt lở, nhằm ổn định và nâng cao đời sống người dân, hạn chế thiệt hại về người và tài sản do sạt lở.

2. Đối tượng di dời của phương án: các hộ dân sống tại khu vực có nguy cơ sạt lở cao tại phường Thạnh Xuân, phường Thạnh Lộc và phường An Phú Đông, Quận 12.

3. Số hộ (khẩu) di dời: 10 hộ/38 nhân khẩu.

4. Địa điểm nhận dân: thửa 41 và 42, tờ bản đồ số 18, phường Thạnh Lộc, quận 12.

5. Giải pháp thực hiện phương án di dời:

5.1. Giải pháp về đất đai:

Ủy ban nhân dân Quận 12 chỉ hỗ trợ mỗi hộ dân di dời 01 nền đất để xây dựng nhà ở theo Quyết định số 1776/QĐ-TTg ngày 21 tháng 11 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ, miễn thu tiền sử dụng đất đối với các hộ di dời theo phương án. Ủy ban

nhân dân Quận 12 chỉ được cấp nền đất xây dựng nhà ở cho các hộ dân không có đất để di dời nhà ở (08/10 hộ được cấp nền đất-căn cứ theo tình hình thực tế). Các hộ dân được cấp đất để xây nhà ở có trách nhiệm bàn giao lại đất đang ở cho Ủy ban nhân dân Quận 12 quản lý theo quy định.

Địa điểm nền đất tái bố trí các hộ di dời: bố trí 08 nền đất làm nhà ở cho 08 hộ, tại thửa 41 và 42, tờ bản đồ số 18, phường Thạnh Lộc, Quận 12.

5.2. Giải pháp về hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai:

Tất cả các hộ di dời theo phương án (10/10 hộ) được hỗ trợ kinh phí di dời 20 triệu đồng/hộ, hỗ trợ kinh phí khắc phục thiên tai 20 triệu đồng/hộ theo chủ trương của Ủy ban nhân dân Thành phố tại Quyết định số 41/2013/QĐ-UBND ngày 27 tháng 9 năm 2013 về ban hành quy định về các chế độ, chính sách và mức hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

5.3. Giải pháp về hỗ trợ tạm cư:

08/10 hộ dân được cấp đất để xây nhà ở được hỗ trợ kinh phí thuê nhà tạm cư theo chủ trương của Ủy ban nhân dân Thành phố tại Công văn số 1921/UBND-ĐTMT ngày 02 tháng 5 năm 2012 về hỗ trợ chi phí thuê nhà ở tạm cư trong thời gian các hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất chờ bố trí nhà, đất tái định cư trên địa bàn Thành phố.

6. Kinh phí, nguồn vốn và tiến độ thực hiện phương án:

6.1. Kinh phí thực hiện phương án: tổng số 1.004,395 triệu đồng, bao gồm:

- Kinh phí hỗ trợ di dời: 200 triệu đồng (10 hộ x 20 triệu đồng/hộ);
- Kinh phí hỗ trợ khắc phục thiên tai: 200 triệu đồng (10 hộ x 20 triệu đồng/hộ);
- Kinh phí thuê nhà ở tạm cư: 210 triệu đồng (hộ có từ 04 nhân khẩu trở xuống: 4.000.000 đồng/hộ/tháng x 04 hộ x 06 tháng + hộ có từ 05 nhân khẩu trở lên: 1.000.000 đồng/người/tháng x 19 người x 06 tháng);
- Kinh phí tạm cư cho các hộ trong khi chờ phê duyệt phương án: 342 triệu đồng (hộ có từ 04 nhân khẩu trở xuống: 4.000.000 đồng/hộ/tháng x 01 hộ x 19 tháng + hộ có từ 05 nhân khẩu trở lên: 1.000.000 đồng/người/tháng x 14 người x 19 tháng);
- Kinh phí đo đạc xác định vị trí đất và công trình trên đất: 22,359 triệu đồng;
- Chi phí xây dựng phương án, quản lý quá trình di dời: 30 triệu đồng.

6.2. Nguồn kinh phí sử dụng: nguồn ngân sách Quận 12.

6.3. Thời gian thực hiện: hoàn thành trong quý I/2014.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

Giao Ủy ban nhân dân Quận 12, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Xây dựng, Sở Quy hoạch - Kiến trúc sớm rà soát chặt chẽ, triển khai thực hiện theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố tại Công văn số 6125/UBND-CNN ngày 18 tháng 11 năm 2013 và Thông báo số 75/TB-VP ngày 25 tháng 01 năm 2014; cụ thể:

1. Giao Ủy ban nhân dân Quận 12:

- Phân công nhiệm vụ cho các phòng ban, đơn vị trực thuộc nghiên cứu, lập và phê duyệt thiết kế mẫu nhà ở cho các hộ phải di dời phù hợp với quy hoạch của quận và xác định cao độ nền đảm bảo không bị ngập úng trong mùa mưa bão, triều cường; đảm bảo quy định trong lĩnh vực quản lý đầu tư xây dựng nhà ở;

- Lập hồ sơ di dời, tổ chức di dời đúng quy trình theo Thông tư số 14/2010/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

- Phối hợp, chỉ đạo Ủy ban nhân dân phường Thạnh Xuân, phường Thạnh Lộc và phường An Phú Đông vận động các hộ dân sớm di dời theo phương án được phê duyệt; tổ chức giám sát, kiểm tra tiến độ di dời;

- Tổ chức thu hồi và quản lý phần đất đã thu hồi của các hộ dân đã di dời, quyết toán kinh phí theo đúng quy định.

2. Giao Sở Quy hoạch - Kiến trúc chủ trì phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn Ủy ban nhân dân Quận 12 thiết kế và lựa chọn mẫu nhà ở tái định cư cho các đối tượng di dời có mức kinh phí đầu tư phù hợp.

3. Giao Sở Tài chính hướng dẫn Ủy ban nhân dân Quận 12 thực hiện chính sách tiền sử dụng đất, thanh quyết toán sử dụng kinh phí để thực hiện phương án di dời khẩn cấp 10 hộ dân do thiên tai theo đúng quy định hiện hành.

4. Giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn, hỗ trợ Ủy ban nhân dân Quận 12 thực hiện các chính sách giải quyết khó khăn cho các hộ nghèo thuộc đối tượng di dời khẩn cấp.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Tài chính,

Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Sở Xây dựng, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Giao thông vận tải, Sở Tài nguyên và Môi trường, Trung tâm Điều hành Chương trình chống ngập nước Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 12 và các Sở, ngành, đơn vị liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Thanh Liêm

VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: tcb.ubnd@tphcm.gov.vn

Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng